

**CONTRACT FOR SECURITIES TRADING ACCOUNT**  
**HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Account type / Loại tài khoản: **Foreign Individual/ Cá nhân nước ngoài**

Account No./ Số tài khoản:

0	2	2							
---	---	---	--	--	--	--	--	--	--

Contract No./ Số hợp đồng ...../ HĐ-Phu Hung, signed on/ ký ngày.....  
at/ tại..... between the following/ gồm có:

**A. CUSTOMER / KHÁCH HÀNG**

Full name/ Họ tên: ..... Nationality/ Quốc tịch: .....  
Male/ Nam  Female/ Nữ   
Date of Birth/ Ngày sinh: ..... Place of Birth/ Nơi sinh: .....  
ID / Passport No./ Số CMND/Hộ chiếu:  
Date issued/ Ngày cấp: ..... Place issued/ Nơi cấp: .....  
Permanent Address/ Địa chỉ thường trú: .....  
Current Address/ Địa chỉ liên lạc: .....  
Telephone/ Điện thoại cố định: ..... Mobile/ Di động: ..... Email: .....  
Employer/ Nơi công tác: ..... Position/ Chức danh: .....  
Employer's Address/ Địa chỉ cơ quan: .....  
Phone/ Điện thoại: .....  
Bank Account Number/ Tài khoản số: .....  
Bank Name/ tại Ngân hàng: .....  
Contact person's full name/ Họ tên người liên lạc: .....  
Mobile/ Di động: ..... Email: .....  
Current Address/ Địa chỉ liên lạc: .....

**B. PHU HUNG SECURITIES CORPORATION / CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG**

Headquarters: Floor 4, CR3-04B, 109 Ton Dat Tien St., Tan Phu Ward, District 7, HCMC  
Trụ sở chính: Tầng 4, CR3-04B, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM  
Phone: (84-8) 54135479 / Fax: (84-8) 54135472 / Website: www.phs.vn / Email: info@phs.vn  
Business License No: 23/UBCK-GPHĐKD issued by the State Securities Commission on 01/12/2006  
Giấy phép HĐKDCK số: 23/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/12/2006  
Permit of Company's name changing No: 185/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on 23/01/2009  
Giấy phép đổi tên công ty số: 185/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23/01/2009  
Representative/ Đại diện: ..... Position/ Chức vụ: .....  
Authorization letter No./ Theo ủy quyền số: ..... dated/ ngày.....  
signed by General Director / do Tổng Giám đốc ban hành.  
(Hereafter called "**Securities Company**")/ (Sau đây gọi tắt là "**Công ty Chứng khoán**")

**DETAILS OF CONTRACT/ NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:**

**1. Choose account type (choose 1)/ Đăng ký loại dịch vụ môi giới (chọn 1):**

- PHS Investor Pro:** Full-service package, including customized investment advice / Dịch vụ trọn gói, có chuyên viên môi giới tư vấn & chăm sóc khách hàng.
- PHS Internet Broker:** Automatic transaction/ Tự động hóa giao dịch



Relation between customer and advisor / *Quan hệ giữa khách hàng và người tư vấn:*

Family / relatives / *Gia đình / họ hàng*

Friend / acquaintance / *Bạn bè / người quen*

Referral / *Giới thiệu*

Not acquainted / *Không quen*

Other / *Khác*

Comments of advisor/ *Ý kiến của người tư vấn:*

#### 6. Confirmation / *Ký kết hợp đồng:*

Both parties sign the contract according to the content above and the Terms and Conditions listed below. This Contract is made in 02 (two) bilingual copies in English and Vietnamese. Each party keeps 1 (one) copy, in case of discrepancies the Vietnamese contents shall be prevailed.

*Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng này dựa trên nội dung trên và Điều khoản và điều kiện hợp đồng được liệt kê cụ thể bên dưới. Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản song ngữ bằng tiếng Anh và Tiếng Việt. Mỗi bên giữ một (01) bản, trong trường hợp có mâu thuẫn phần nội dung Tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.*

#### CUSTOMER / *PHẦN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG*

SAMPLE SIGNATURE / *CHỮ KÝ MẪU CỦA KHÁCH HÀNG*

CUSTOMER / *KHÁCH HÀNG*

(Signature & Full name / *Ký, ghi rõ họ tên*)

SAMPLE 1 / *CHỮ KÝ 1*

SAMPLE 2 / *CHỮ KÝ 2*

#### PHU HUNG SECURITIES CORPORATION / *PHẦN DÀNH CHO CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN PHÚ HÙNG*

FINANCIAL ADVISOR

*NHÂN VIÊN TƯ VẤN*

(Signature & Full name

*Ký, ghi rõ họ tên)*

TELLER

*NHÂN VIÊN GIAO DỊCH*

(Signature & Full name

*Ký, ghi rõ họ tên)*

CHECKER

*KIỂM SOÁT*

(Signature & Full name

*Ký, ghi rõ họ tên)*

SECURITIES COMPANY

*REPRESENTATIVE*

*ĐẠI DIỆN CÔNG TY*

(Signature & Full name

*Ký, ghi rõ họ tên)*

  
**Phu Hung**  
SECURITIES

## TERMS & CONDITIONS

### ĐIỀU KHOẢN & ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

#### Article 1/ Điều 1: Definitions / Giải thích thuật ngữ

- 1.1 Securities Trading Account means two (02) Customer's account, including (i) the securities transaction deposit accounts opened at a commercial bank designated by the Securities Company; and (ii) securities depository account be opened at a securities company, to cater to the stock Exchange that Customer will perform.  
"Tài khoản giao dịch chứng khoán" là hai (02) tài khoản của Khách hàng, bao gồm (i) tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán được mở tại một Ngân hàng thương mại do Công ty Chứng khoán chỉ định; và (ii) tài khoản lưu ký chứng khoán được mở tại Công ty Chứng khoán, để phục vụ cho các giao dịch chứng khoán mà Khách hàng sẽ thực hiện.
- 1.2 Securities means all securities owned by Customer is allowed to trade on the Stock Exchange for Securities Trading Account.  
"Chứng khoán" là tất cả các loại chứng khoán thuộc quyền sở hữu của Khách hàng được phép giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán có trong Tài khoản Giao dịch Chứng khoán.
- 1.3 Securities Company's counter means a transaction counter at the head office, branches and trading offices or where to get the order of the Securities Company.  
"Quầy giao dịch" là quầy giao dịch tại trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch hoặc các nơi nhận lệnh của Công ty Chứng khoán.
- 1.4 Customer means an individual or organization (for more Customer general user 01 account, so Customer is all or some of them) opened trading securities account.  
"Khách hàng" là cá nhân, tổ chức (trường hợp nhiều người sử dụng chung tài khoản khách hàng là tất cả hoặc một trong số họ) mở tài khoản giao dịch chứng khoán.
- 1.5 Services means the services to be provided under the provisions of this Regulation.  
"Dịch vụ" là các dịch vụ được cung cấp theo các điều khoản của Quy định này.
- 1.6 Terms means the terms and conditions mentioned in this Regulation.  
"Điều khoản" là các điều khoản và các điều kiện được đề cập trong Quy định này.
- 1.7 Online Trading means transactions and services in securities and the securities market made by online electronic such as via the Internet and / or telephone.  
"Giao dịch trực tuyến" là các giao dịch, dịch vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán được thực hiện bằng phương tiện điện tử trực tuyến qua mạng Internet và/hoặc điện thoại.
- 1.8 Online trading services means the services provided by Securities Company from time to time for Customer carry out electronic trading.  
"Dịch vụ giao dịch trực tuyến" là các dịch vụ do Công ty Chứng khoán cung cấp cho Khách hàng tùy từng thời điểm để Khách hàng thực hiện các giao dịch điện tử.
- 1.9 E-voucher means a data message about a professional securities activity which Securities Company creates, send, receives and stores by electronic means in the course of online securities trading in the online securities trading activity.  
"Chứng từ" là thông điệp dữ liệu về hoạt động nghiệp vụ chứng khoán được Công ty Chứng khoán tạo ra, được gửi đi, được nhận và được lưu trữ bằng phương tiện điện tử trong hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến.

#### Article 2/ Điều 2: Purpose of this Contract / Mục đích hợp đồng

- Under this contract, Customer agrees to open a Securities Trading Account under Customer's name at Securities Company/ Theo hợp đồng này, Khách hàng sẽ mở một tài khoản giao dịch chứng khoán đứng tên Khách hàng tại Công ty Chứng khoán.
- 2.1 Securities Trading Account mentioned in this contract comprises of: Cash Account for trading securities and Securities Depository Account;  
Tài khoản giao dịch chứng khoán gồm tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán mở tại Ngân hàng do Công ty Chứng khoán chỉ định và tài khoản lưu ký chứng khoán;
- 2.2 Under this contract, Securities Company shall provide the following services, including without limitation/ Công ty Chứng khoán cung cấp cho Khách hàng các dịch vụ, bao gồm nhưng không giới hạn:
- 2.2.1 Opening account for securities trading/ Mở tài khoản giao dịch chứng khoán;
- 2.2.2 Handling Cash and Securities Depository Account as authorized by Customer/ Quản lý tiền, chứng khoán của Khách hàng có trong tài khoản giao dịch chứng khoán;
- 2.2.3 Executing securities buy/sell transactions upon Customer's order(s)/ Thực hiện giao dịch mua/bán chứng khoán theo lệnh của Khách hàng;
- 2.2.4 Undertaking Securities Custody, Clearing/Settlement, and Securities Registration upon Customer's authorization/ Thực hiện đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán cho Khách hàng qua Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam theo ủy quyền của Khách hàng.

#### Article 3/ Điều 3: General Agreement/ Thỏa thuận chung

- In order to provide convenience for Customer in securities trading, Securities Company agrees to offer Customer Trading Service through the following methods: telephone, SMS, web-trading, and trading via broker or teller and other agreed methods (if any).  
Nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho Khách hàng thực hiện giao dịch chứng khoán, Công ty Chứng khoán đồng ý cung cấp cho Khách hàng dịch vụ giao dịch thông qua các hình thức sau: giao dịch qua điện thoại, giao dịch trực tuyến qua mạng, giao dịch qua nhân viên môi giới và các hình thức khác đã thỏa thuận (nếu có).  
Every transaction order of Customer carried out by any of the above mentioned methods is considered valid and same as orders placed directly at Securities Company's Headquarter or any of its branches and/or its transaction offices.  
Mọi lệnh giao dịch của Khách hàng thực hiện thông qua các hình thức này đều có giá trị pháp lý tương đương với lệnh giao dịch Khách hàng thực hiện trực tiếp tại trụ sở hoặc các điểm giao dịch của Công ty Chứng khoán.  
Customer shall be deemed to have agreed that the documents prepared by Securities Company for the supplying and implementing of services is evidence of acceptance of Customer for all vouchers prove the using services of Customer, including without limitation: requirement for providing services, orders, withdraw order, transfer order, Cash Automatic advance from the sale trading order without customer's signature.  
Khách hàng đồng ý rằng, các tài liệu do Công ty Chứng khoán lập về việc cung cấp, thực hiện các loại dịch vụ là bằng chứng về việc Khách hàng chấp nhận toàn bộ các chứng từ chứng minh việc sử dụng dịch vụ của Khách hàng, bao gồm nhưng không giới hạn: đăng ký sử dụng dịch vụ, lệnh mua, bán chứng khoán, lệnh rút tiền, lệnh chuyển tiền, lệnh ứng trước tiền bán chứng khoán.... mà không cần phải có chữ ký xác nhận của Khách hàng.

#### Article 4/ Điều 4: Specific provisions / Các thỏa thuận cụ thể

- 4.1 Deposit Requirement to normal transaction / Tỷ lệ ký quỹ giao dịch đối với các giao dịch thông thường:
- 4.1.1 When placing sell order(s), Customer must have sufficient balance in the Securities Depository Account at Securities Company/ Khi đặt lệnh bán chứng khoán, Khách hàng phải có đủ số lượng chứng khoán đặt bán trên tài khoản theo quy định pháp luật;
- 4.1.2 When placing buy order(s), Customer must have sufficient balance in Customer's Cash Account for trading securities at nominated bank / Khi đặt lệnh mua chứng khoán, Khách hàng phải có đủ số tiền ký quỹ trên tài khoản theo quy định pháp luật.
- 4.2 Agreements of interest on the balance of Customer's Cash Account for trading securities and Customer's Depository Account / Thỏa thuận về lãi suất trên số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán và số dư chứng khoán
- 4.2.1 Customer shall earn the interest on the balance of Customer's Cash Account for trading securities at the rate stipulated by Securities Company in the relevant period/ Khách hàng được hưởng mức lãi suất do Công ty Chứng khoán công bố trong từng thời kỳ đối với số dư tiền trên tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán;
- 4.2.2 Customer shall be entitled to the rights of shareholders on the balance of Customer's Depository Account/ Ngoài ra Khách hàng còn được hưởng quyền cổ đông tương ứng đối với số dư chứng khoán trong tài khoản lưu ký chứng khoán của Khách hàng;
- 4.3 Time-limit, the method of liquidating assets in the case Customer fails to settle securities transactions / Thời hạn, cách thức xử lý tài sản trong trường hợp Khách hàng không có khả năng thanh toán
- 4.3.1 In the case Customer fails to settle obligations arisen from securities transactions, Securities Company reserves the rights to debit the balance of Customer's Cash Account for trading securities at nominated bank and the balance of Customer's Depository Account in order to settle the relevant obligations. If the money and securities balance is insufficient, Securities Company shall require Customer to fulfill the obligations and/or make compensation and penalty;  
Trong trường hợp Khách hàng không có khả năng thanh toán các nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch được thực hiện, Công ty Chứng khoán được phép sử dụng số dư tiền trên tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán tại Ngân hàng do Công ty Chứng khoán chỉ định và số dư chứng khoán trong tài khoản lưu ký chứng khoán để thanh toán các nghĩa vụ phát sinh đó. Nếu số tiền và chứng khoán trong tài khoản giao dịch của Khách hàng không đủ để thực hiện nghĩa vụ, Công ty Chứng khoán có quyền yêu cầu Khách hàng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại
- 4.3.2 The time-limit of liquidating assets depends on the agreements of both parties, in the case both parties cannot reach agreement, Securities Company shall unilaterally make decision/ Thời hạn xử lý tài sản do các bên tự thỏa thuận, trong trường hợp các bên không thể thỏa thuận được thì Công ty Chứng khoán có quyền quyết định thời hạn xử lý;
- 4.4 The time-limit and the method of exchanging foreign currency into VND / Thời gian và phương thức chuyển đổi từ ngoại tệ sang đồng Việt Nam
- 4.4.1 In the case securities transactions are settled in foreign currency, the exchange shall be done in accordance to applicable regulations on foreign exchange restriction / Trong trường hợp giao dịch chứng khoán bằng ngoại tệ, việc chuyển đổi sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối;
- 4.4.2 At Customer's request, the foreign currency exchange shall be conducted partially or totally, in once or more by the nominated bank/ Dựa trên yêu cầu của Khách hàng, Ngân hàng do Công ty Chứng khoán chỉ định sẽ thực hiện việc chuyển đổi một phần hay toàn bộ, một lần hay nhiều lần số ngoại tệ trên tài khoản của Khách hàng sang đồng Việt Nam;
- 4.4.3 The foreign currency exchange shall be conducted upon receiving Exchanging Foreign Currency Proposal as stipulated by nominated bank / Việc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện sau khi Ngân hàng nhận được Giấy đề nghị chuyển đổi ngoại tệ của Khách hàng được lập theo quy định của Ngân hàng.

#### Article 5 / Điều 5: Types of Services / Quy định về các loại dịch vụ

- 5.1 Telephone transaction method (T-Stock)/ Hình thức giao dịch qua điện thoại (T-Stock)
- 5.1.1 When Customer needs to place an order, Customer must make a phone call to specify number provided by Securities Company which used for order receipt via phone / Khi Khách hàng có nhu cầu đặt lệnh, Khách hàng sẽ phải thực hiện gọi điện vào số điện thoại được Công ty Chứng khoán cung cấp riêng biệt cho việc nhận lệnh qua điện thoại.
- 5.1.2 Customer must use his/her transaction password in order to ensure security for his/her order placement via phone / Khách hàng phải sử dụng mật khẩu giao dịch để đảm bảo an toàn cho việc sử dụng dịch vụ đặt lệnh qua điện thoại.
- 5.1.3 When placing a transaction order on telephone, Customer must provide informations under provisions of Securities Company / Khi đặt lệnh giao dịch qua điện thoại, Khách hàng phải thực hiện cung cấp những thông tin



- theo quy định của Công ty Chứng khoán;
- 5.1.4 Customer's order(s) shall be repeated and checked by Securities Company's teller. If all information is valid, the order(s) shall be transferred to the trading system of the Stock Exchange / *Lệnh của Khách hàng sẽ được nhân viên giao dịch của Công ty Chứng khoán đọc nhắc lại và kiểm tra thông tin. Nếu tất cả các thông tin là hợp lệ, lệnh của Khách hàng sẽ được đưa vào hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.*
- 5.1.5 Customer agrees for Securities Company to record and archive telephone order placing conversation made by Customer. The recording tape provided by Securities Company is considered as evidence in the case there are disputes arisen on transaction order placing as above mentioned/ *Khách hàng đồng ý cho Công ty Chứng khoán ghi âm và lưu giữ lại nội dung cuộc điện thoại đặt lệnh do Khách hàng gọi đến. Băng ghi âm của Công ty Chứng khoán cung cấp được coi là bằng chứng pháp lý trong trường hợp có tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện đặt lệnh giao dịch nêu trên.*
- 5.2 Web-trading transaction method (E-Stock) / Hình thức giao dịch qua internet**
- 5.2.1 Customer must register his/her email address for receiving password of web-trading transaction method / *Khách hàng cần đăng ký địa chỉ email để nhận password giao dịch qua internet.*
- 5.2.2 Customer must comply with the regulations on Web-trading transaction service supplied by Securities Company. Any transaction order of Customer placed on Web-trading is considered as valid as directly placed orders at Securities Company's headquarter or/and any other branches, transaction offices / *Khách hàng phải tuân thủ theo những quy định về dịch vụ giao dịch qua Internet mà Công ty Chứng khoán cung cấp. Mọi lệnh giao dịch của Khách hàng thực hiện qua mạng Internet đều có giá trị pháp lý tương đương với lệnh giao dịch Khách hàng thực hiện trực tiếp tại trụ sở hoặc các điểm giao dịch của Công ty Chứng khoán.*
- 5.3 Transaction information by SMS (M-Stock)/ Hình thức chuyển giao thông tin giao dịch qua SMS**
- 5.3.1 For using this service, Customer must register his/her mobile phone number / *Để sử dụng dịch vụ này, khách hàng cần đăng ký số điện thoại di động.*
- 5.3.2 By the way of SMS, transaction result of Customer shall be sent directly to such mobile phone number / *Thông qua SMS, kết quả giao dịch của khách hàng sẽ được trả về thông qua số điện thoại được đăng ký ở trên.*
- 5.3.3 Customer can take initiative to look up securities market information as well as account transaction information / *Khách hàng có thể chủ động tra cứu thông tin về thị trường chứng khoán cũng như thông tin về tài khoản giao dịch chứng khoán.*
- 5.3.4 Customer shall receive notice from Securities Company via SMS / *Khách hàng sẽ được nhận tin nhắn về các thông báo của Công ty Chứng khoán*
- 5.4 Transactions via Broker or Teller / Hình thức giao dịch thông qua nhân viên môi giới**
- 5.4.1 To place a securities buy/sell order, Customer is required to fill in the Buy/Sell Order slip and submit to broker or teller at Securities Company's counter(s) / *Khi đặt lệnh mua/bán chứng khoán, Khách hàng ghi đầy đủ các thông tin trên phiếu lệnh (theo mẫu) và nộp tại quầy giao dịch của Công ty Chứng khoán;*
- 5.4.2 Securities Company shall verify the information provided in the Order slip and sign when confirmed/ *Công ty Chứng khoán sẽ kiểm tra tính hợp lệ của phiếu lệnh và ký xác nhận;*
- 5.4.3 Under this contract, "Order slip" signed by both parties constitutes a legally validated and enforceable Securities Buy/Sell Order and accepted by Securities Company/ *Trong bản hợp đồng này, "Phiếu lệnh" có chữ ký hai bên được hiểu là tài liệu xác nhận Lệnh mua/bán chứng khoán của Khách hàng hợp lệ, được Công ty Chứng khoán chấp nhận;*
- 5.5 Cash Automatic advance from the securities sale trading / Dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán tự động**
- 5.5.1 Securities Company uses its financial resources to support Customer to receive money from the securities sale when the order of Customer is matched, earlier than the time that money transferred on Customer accounts / *Công ty Chứng khoán sử dụng nguồn tài chính của mình để hỗ trợ Khách hàng nhận tiền bán chứng khoán khi lệnh bán chứng khoán của Khách hàng được khớp, sớm hơn thời điểm tiền về trên tài khoản Khách hàng;*
- 5.5.2 All Customer's securities sell trading will automatically be paid with advance money by Securities Company (as percentage in accordance with Article 5.5.3) and it does not depend on customer's requirements / *Mọi giao dịch bán chứng khoán của Khách hàng sẽ được Công ty Chứng khoán tự động ứng trước số tiền bán chứng khoán (theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Điều 5.5.3) mà không phụ thuộc vào yêu cầu của Khách hàng;*
- 5.5.3 Based on the results for order matching to sale securities on the trading day of Customer, Securities Company will charge the advance payment amount of securities selling into Customer accounts (corresponding to the matched value except for taxes, fees, other financial obligations that Customer pay according to the contract, agreement if any) / *Căn cứ vào kết quả khớp lệnh đối với lệnh bán chứng khoán trong ngày giao dịch của Khách hàng, Công ty Chứng khoán sẽ tính số tiền ứng trước tiền bán chứng khoán vào tài khoản của Khách hàng (tương ứng với giá trị khớp lệnh trừ đi các loại thuế, phí, các nghĩa vụ tài chính mà Khách hàng phải trả theo các Hợp đồng, thỏa thuận nếu có);*
- 5.5.4 When money of sale securities transferred back on Customer's account, customer here agrees that Securities Company is authorized autonomy to extract, transfer, deduct this amount of advance fees and other financial obligation which Customer have to pay to Securities Company / *Khi số tiền bán chứng khoán về tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán của Khách hàng, Khách hàng tự đồng ý rằng Công ty Chứng khoán được ủy quyền toàn quyền chủ động trích, chuyển, khấu trừ số tiền để thu hồi lại số tiền đã ứng trước, phí ứng trước, các loại phí và nghĩa vụ tài chính khác mà Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Chứng khoán.*

**Article 6 / Điều 6: Customer's Rights and Obligations / Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng**

- 6.1 Become the legal owner of the securities in Customer's Securities Depository Account at Securities Company / *Sở hữu hợp pháp chứng khoán mà Khách hàng ủy thác cho Công ty Chứng khoán lưu giữ;*
- 6.2 When registering to use service by signing or registering on the Securities Company's website interface, Customer is entitled to use all of online trading services provided by Securities Company from time to time (except the case which Securities Company requires Customer signs on the contract / separate registration form to protect the interests of customer) / *Khi đăng ký sử dụng dịch vụ bằng việc ký tên hoặc đăng ký trên giao diện website của Công ty Chứng khoán, Khách hàng được mặc định được quyền sử dụng tất cả các dịch vụ giao dịch trực tuyến do Công ty Chứng khoán cung cấp theo từng thời kỳ (trừ trường hợp đối với các dịch vụ yêu cầu Khách hàng phải ký kết các Hợp đồng/ Mẫu đăng ký riêng biệt để bảo vệ quyền lợi Khách hàng);*
- 6.3 Place order(s) to trade securities at Securities Company's counter or using alternative trading methods mentioned in this contract / *Đặt lệnh mua/bán chứng khoán tại quầy giao dịch của Công ty Chứng khoán hoặc theo các phương thức đặt lệnh khác được các bên thỏa thuận theo quy định tại Hợp đồng này;*
- 6.4 Comply fully and properly with the regulations of Securities Company on placing order using those transaction methods. Customer will bear full responsibility for damages arisen from incompliance or insufficient compliance the above mentioned regulations / *Tuân thủ đầy đủ, chính xác các quy định của Công ty Chứng khoán về giao dịch thông qua các hình thức trên. Khách hàng sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh do việc không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các quy định trên;*
- 6.5 Customer agrees on the result of the transaction made on one of transaction methods / *Khách hàng chấp nhận kết quả giao dịch được thực hiện thông qua một trong các hình thức giao dịch trên;*
- 6.6 For the above-mentioned transaction methods, Customer agrees to authorize Securities Company (Represented by: Trading Service Manager) to sign on order slips (buy and/or sell and/or cancel) as required by law. Customer undertakes full responsibility for this authorization and commit to admit and not to raise any claims against the Securities Company for any of authorized Securities Company's acts as per scope of authorization / *Đối với những hình thức giao dịch trên đây, Khách hàng đồng ý ủy quyền cho Công ty Chứng khoán ký tên vào phiếu lệnh mua hoặc giao dịch theo pháp luật yêu cầu. Khách hàng cam kết tự chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm về việc ủy quyền này đồng thời cam kết chấp nhận và không thực hiện bất cứ khiếu nại nào với Công ty Chứng khoán đối với mọi hành vi của Công ty Chứng khoán thực hiện trong phạm vi ủy quyền này.*
- 6.7 In the case of not authorization, Customer must promptly transfer the order slips to the Securities Company not later than 01 (one) day after such transaction day / *Khách hàng kịp thời chuyển giao phiếu lệnh tới Công ty Chứng khoán chậm nhất là 01 ngày kể từ ngày giao dịch nếu không ủy quyền ký phiếu lệnh cho Công ty Chứng khoán;*
- 6.8 Where Customer does not satisfy the above requirements, Securities Company shall have the right to unilaterally suspend transactions via services stated in this Contract appendix until Customer satisfies such requirements / *Trong trường hợp Khách hàng không đáp ứng được các yêu cầu theo quy định của pháp luật và Công ty Chứng khoán ban hành, Công ty Chứng khoán có quyền đơn phương tạm ngưng giao dịch cho tất cả những dịch vụ nêu trên cho tới khi Khách hàng đáp ứng được các quy định trên;*
- 6.9 Customer regularly follows up the money and securities balance and cross-check the transaction results with Securities Company and feedback timely any errors (if any) to the orders receiving section of Securities Company within 3 days from the time the order is matched, exceed such time, Securities Company will be immunized from liability for that services / *Khách hàng thường xuyên theo dõi số dư tiền và chứng khoán, đối chiếu kết quả giao dịch với Công ty Chứng khoán và kịp thời phản ánh những sai sót (nếu có) cho bộ phận nhận lệnh của Công ty Chứng khoán trong vòng 3 ngày kể từ thời điểm giao dịch được thực hiện, Công ty Chứng khoán được miễn trừ mọi trách nhiệm nếu quá thời hạn này;*
- 6.10 In order to keep the confidential information relating to transaction, Customer should regularly change his/her passwords / *Để đảm bảo tính bảo mật trong giao dịch, khách hàng nên thường xuyên thay đổi mật khẩu.*
- 6.11 Exercise shareholders' legal rights as stipulated by the applicable laws and regulations / *Thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu chứng khoán theo quy định của pháp luật và các quy định khác được áp dụng;*
- 6.12 Be informed by Securities Company adequately with the confirmation of securities transactions upon Customer's authorization / *Được Công ty Chứng khoán thông báo đầy đủ về kết quả thực hiện các giao dịch chứng khoán mà Khách hàng đặt mua/bán;*
- 6.13 Withdraw money or securities, partially or totally from Customer's Account, however, must still ensure sufficient assets to fulfill the obligation to Securities Company (if any) / *Có quyền yêu cầu rút một phần hoặc toàn bộ tiền, chứng khoán khỏi tài khoản giao dịch chứng khoán bất cứ lúc nào, tuy nhiên vẫn phải đảm bảo đủ tài sản để thực hiện nghĩa vụ đối với Công ty Chứng khoán (nếu có);*
- 6.14 Undertake that all information stated overleaf and in the Securities Trading Account Opening Request Form is true and complete. Customer must notify Securities Company of any changes. If the provided information is incorrect, this contract is invalid and subject to termination/ *Cam kết những thông tin được liệt kê trên đây là đúng sự thật và phải thông báo cho Công ty Chứng khoán khi phát sinh những thay đổi có liên quan. Trường hợp thông tin sai sự thật, hợp đồng này vô hiệu và xử lý theo Điều 10 của Hợp đồng này;*
- 6.15 Undertake that orders once executed by Securities Company are of non-cancellation. Customer is only allowed to make changes or cancel the order(s) if agreed by Securities Company, subject to applicable regulations of the Stock Exchange / *Cam kết khi đã đặt lệnh, Khách hàng không được đơn phương sửa đổi hoặc hủy bỏ giao dịch. Khách hàng chỉ được phép sửa đổi hoặc hủy bỏ lệnh khi có sự chấp thuận của Công ty Chứng khoán và theo quy định hiện hành của Sở Giao dịch Chứng khoán;*
- 6.16 Be liable for paying brokerage and other fees as quoted by Securities Company / *Thanh toán các khoản phí môi giới và các khoản phí khác theo quy định của Công ty Chứng khoán;*
- 6.17 Agree to authorize, irrevocably in all cases for Securities Company automatically extracted, transferred, deduct from the securities transaction deposit accounts in order to recover the advance amount, fees and others financial obligation of Customer / *Đồng ý ủy quyền, không hủy ngang trong mọi trường hợp cho Công ty Chứng khoán chủ động trích, chuyển, khấu trừ số tiền có trong tài khoản giao dịch chứng khoán để thu hồi số tiền đã ứng trước, các loại phí và nghĩa vụ tài chính khác của Khách hàng;*
- 6.18 Commit to perform obligations with Securities Company arising from the use of the services provided by Securities Company by all of its assets if in cash and securities in the account are insufficient for obligations / *Cam kết thực hiện nghĩa vụ đối với Công ty chứng khoán phát sinh từ việc sử dụng các dịch vụ của Công ty Chứng khoán cung cấp bằng toàn bộ tài sản của mình trong trường hợp tiền và chứng khoán có trong tài khoản không đủ để thực hiện nghĩa vụ;*
- 6.19 Deposit sufficiently and promptly cash and securities to ensure Securities Company to implement transactions for Customer; Comply with and strictly comply with the guidelines and regulations of the Securities Company relating to the use of trading account and buy / sell securities / *Thực hiện ký quỹ tiền và chứng khoán đúng hạn để đảm bảo cho Công ty Chứng khoán thực hiện các giao dịch cho Khách hàng. Tuân thủ và thực hiện nghiêm chỉnh các hướng dẫn, quy định của Công ty Chứng khoán liên quan đến việc sử dụng Tài khoản và giao dịch mua/bán chứng khoán;*
- 6.20 Accept the results of the transactions that Securities Company executes upon the request of Customer or Customer's authorized person by any transactions methods mentioned in this contract at Article 3 / *Mặc nhiên chấp nhận kết quả giao dịch do Công ty Chứng khoán thực hiện theo lệnh mua/bán chứng khoán của Khách hàng hoặc của người được Khách hàng ủy quyền theo các phương thức đặt lệnh được các bên thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng này;*
- 6.21 After effecting a securities transaction, Securities Company will make available the essential features of the transaction such as the confirmation of securities and money transaction as soon as reasonably possible through such means of mediums provided by Securities Company from time to time. Customer shall check the essential features of the securities transaction by himself through such means or mediums provided by Securities Company. Customer accepts that securities Company is not obliged to confirm with Customer the essential features of the securities transaction otherwise than in accordance with the foregoing / *Sau khi thực hiện giao dịch chứng khoán, Công ty Chứng khoán sẽ cung cấp các tính năng cần thiết của giao dịch như thông báo về kết quả giao dịch tiền và giao dịch chứng khoán sớm nhất có thể thông qua các phương tiện được cung cấp bởi Công ty Chứng khoán trong từng thời kỳ. Khách hàng có trách nhiệm kiểm tra các tính năng này đối với giao dịch chứng khoán của mình thông qua các phương tiện được cung cấp bởi Công ty Chứng khoán. Khách hàng chấp nhận rằng Công ty chứng khoán không có nghĩa vụ xác nhận với Khách hàng các tính năng thiết yếu của giao dịch chứng khoán trừ trường hợp theo các quy định đã đề cập ở trên;*
- 6.22 Customer represents and warrants as follows / *Khách hàng tuyên bố và bảo đảm:*
- (a) That Customer is not resident in a country where there is any restriction on Customer purchase of any Security. If Customer becomes resident in any such Country Customer will inform Securities Company immediately and will if so required by Securities Company sell or redeem any such restricted Securities / *Khách hàng không phải là công dân tại một quốc gia nơi có bất kỳ hạn chế nào về việc mua/bán chứng khoán. Nếu Khách hàng thường trú tại bất kỳ quốc gia nào như vậy Khách hàng sẽ thông báo cho Công ty Chứng khoán ngay lập tức và sẽ thực hiện yêu cầu của Công ty chứng khoán để bán/mua lại bất kỳ chứng khoán nào bị hạn chế theo quy định trên*
- (b) That Customer when purchasing or dealing in any Securities will ensure that Customer is not subject to, and is not acting on behalf of any person who is subject to any prohibition against the purchase or dealing in any such Securities / *Khách hàng khi mua, bán chứng khoán bất kỳ sẽ phải đảm bảo rằng Khách hàng không thuộc đối tượng, và không hành động dựa trên sự ủy quyền của bất kỳ người nào là đối tượng của lệnh cấm hoạt động mua, bán bất kỳ loại chứng khoán nào*
- (c) That any decision to sell or purchase any Securities shall be based on Customer's own Judgments and that Customer has relied upon information obtained by Customer not on any advice or information provided by Securities Company / *Bất kỳ quyết định bán hoặc mua chứng khoán đều dựa trên những đánh giá riêng của Khách hàng và Khách hàng đã dựa trên thông tin thu được của riêng Khách hàng, không dựa vào bất kỳ lời khuyên hay thông tin nào được cung cấp bởi Công ty Chứng khoán.*

**Article 7 / Điều 7: Securities Company's Rights and Obligations / Quyền và nghĩa vụ của Công ty Chứng khoán**

- 7.1 Accepts and agrees to activate the online trading service on securities trading account of Customer when customer completely register to using the service by signed on the register form or registered on the website of Securities Company / *Chấp thuận và đồng ý kích hoạt các dịch vụ giao dịch trực tuyến trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng khi Khách hàng thực hiện các thao tác đăng ký sử dụng dịch vụ bằng việc ký tên hoặc đăng ký trên giao diện website của Công ty Chứng khoán.*
- 7.2 Be entitled to brokerage and other fees for providing services as stated in quotation of Securities Company / *Hưởng phí cho các dịch vụ cung cấp cho Khách hàng theo biểu phí hợp pháp của Công ty Chứng khoán;*
- 7.3 Reserve the right to use the balance of Customer's Cash Account for trading securities / *Công ty Chứng khoán được phép sử dụng số dư trên tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán để thanh toán các khoản phí cho các lệnh mua/bán chứng khoán của Khách hàng;*

- 7.4 Reserve the right to debit the balance cash or securities on Customer's Account in order to settle Customer's securities transaction / *Được ghi giảm tiền, chứng khoán trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng để thực hiện thanh toán theo lệnh mua/bán của Khách hàng;*
- 7.5 Execute transactions as requested in Customer's Buy/Sell Order(s); Ensure transaction order(s) of Customer be transferred to the centralized trading system provided that the order information given by Customer to Securities Company is valid and timely / *Thực hiện các giao dịch chứng khoán theo phiếu lệnh của Khách hàng. Đảm bảo lệnh giao dịch của Khách hàng được chuyển vào hệ thống giao dịch tập trung khi các thông tin về lệnh của Khách hàng cung cấp cho Công ty Chứng khoán là hợp lệ và đúng thời gian;*
- 7.6 Deposit Customer's money in Customer's Cash Account for trading securities at the nominated bank / *Lưu giữ tiền của Khách hàng tại tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán tại Ngân hàng thanh toán do Công ty Chứng khoán chỉ định;*
- 7.7 Deposit Customer's securities in the Securities Depository Account under the name of Securities Company at the Vietnam Securities Depository / *Lưu giữ chứng khoán của Khách hàng tại tài khoản lưu ký chứng khoán của người đầu tư đúng tên Công ty Chứng khoán tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam;*
- 7.8 Keep Customer's information confidential, unless otherwise disclosed according to the regulation of the laws / *Giữ bí mật các thông tin về Khách hàng, trừ trường hợp cung cấp theo quy định của pháp luật;*
- 7.9 Be prohibited from Customer's money and securities without Customer's permission / *Không được sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không có lệnh của Khách hàng;*
- 7.10 Securities Company shall promptly inform Customer (through the following types of sending information: SMS, telephone, website, at counters of receiving order) the result of the execution of each trade as soon as Securities Company has been informed of the same by the relevant Stock Exchange / *Công ty Chứng khoán phải thông báo kịp thời cho Khách hàng (thông qua một trong những hình thức sau đây: tin nhắn điện thoại di động SMS, điện thoại, trên trang web của công ty chứng khoán hoặc trực tiếp tại các điểm nhận lệnh giao dịch chứng khoán của công ty chứng khoán) về kết quả thực hiện giao dịch ngay khi Công ty Chứng khoán nhận được thông báo từ Sở giao dịch chứng khoán;*
- 7.11 Keep confidential the transaction password agreed by both parties (if any) / *Thực hiện bảo mật mật khẩu quy ước giữa hai bên (nếu có);*
- 7.12 Inform Customer of the monthly account balance and transactions information upon request / *Thông báo số dư tài khoản, các giao dịch được thực hiện hàng tháng cho Khách hàng khi có yêu cầu của Khách hàng;*
- 7.13 Be prohibited from terminating the contract before its expiry date, except for Customer's breaches of those regulations stated in this contract or Customer's accusation of prohibited acts as regulated by the Law on Securities and other relevant laws / *Không được chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trừ trường hợp Khách hàng vi phạm các quy định tại Điều 6 hợp đồng này hoặc Khách hàng thực hiện các hành vi bị cấm quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan;*
- 7.14 Compensate Customer for any loss and damage incurred to Customer due to Securities Company's failure to comply with the applicable laws and regulations. The rate of compensation is stipulated by applicable laws or agreements of both parties / *Bồi thường thiệt hại cho Khách hàng theo quy định của pháp luật nếu các thiệt hại do phát sinh do lỗi của Công ty chứng khoán. Mức bồi thường thiệt hại sẽ do các bên tự thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành;*
- 7.15 The Securities Company is authorized to disclose information it has concerning Customer, any Securities and the Services to any other person appointed by it in connection with the Services / *Công ty Chứng khoán được ủy quyền công bố các thông tin có liên quan đến khách hàng, Chứng khoán và các Dịch vụ cho bất kỳ người nào khác được chỉ định bởi việc kết nối với các dịch vụ được cung cấp;*
- 7.16 Securities Company is authorized but not obliged to act on the Instruction given, or purported to be given by Customer / *Công ty Chứng khoán được ủy quyền nhưng không có nghĩa vụ phải hành động theo Hướng dẫn hoặc ý định được đưa ra bởi Khách hàng;*
- 7.17 Securities Company may, at its discretion, accept Instructions reasonably believed by it to have emanated from Customer in which case, if it acts in good faith on such instructions were given by Customer and Securities Company shall not be under any duty to verify the identity of the person(s) giving those instructions / *Công ty Chứng khoán có thể, theo quyết định của mình, chấp nhận các lệnh hợp lý từ Khách hàng, trong trường hợp này, nếu thực hiện theo hướng dẫn của khách hàng, Công ty Chứng khoán không có nghĩa vụ xác minh danh tính của người đưa ra hướng dẫn đó;*
- 7.18 Securities Company shall not be under obligation to act on any Instruction to sell any Securities unless sufficient such Securities are held in the Securities Company's nominee name, or that of the Securities Company's nominee and/or due to be credited to the Securities account under any purchase transaction(s) which are not subject to any charge, lien or other securities interest in favor of any person including Securities Company / *Công ty Chứng khoán không phải chịu trách nhiệm đối việc bán chứng khoán theo lệnh trừ khi chứng khoán đó được nắm giữ bởi người được Công ty Chứng khoán chỉ định, hoặc / và đã được ghi có vào tài khoản chứng khoán theo bất kỳ giao dịch mua nào mà không phải chịu bất kỳ phí, thuế cầm giữ hoặc chứng khoán khác của bất kỳ người nào bao gồm cả Công ty Chứng khoán.*

**Article 8 / Điều 8: Implicit Information / Cam kết mặc định**

- 8.1 On signing this contract, Customer acknowledges that Securities Company has fully informed Customer of the function, business license, and scope of activities, chartered capital, and Securities Company's Representative person who signs the contract / *Khi ký tên vào hợp đồng này, Khách hàng thừa nhận Công ty Chứng khoán đã thông báo đầy đủ với Khách hàng về chức năng, giấy phép hoạt động, phạm vi kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện ký hợp đồng;*
- 8.2 Customer shall be deemed to have agreed to accept the Securities Company's policy regarding fees and charges, including periodic adjustments to the fee schedule, and Customer confirms to have been properly informed regarding the Securities Company's fees and service charges upon signing this contract or registering on the Securities Company's website interface / *Khi Khách hàng ký hợp đồng này hoặc đăng ký trên giao diện website của Công ty Chứng khoán, khách hàng mặc nhiên chấp thuận các khoản phí theo biểu phí quy định của Công ty chứng khoán cũng như các thay đổi trong biểu phí này được Công ty Chứng khoán công bố trong từng kỳ, và Khách hàng cam kết rằng đã được thông báo rõ ràng về điều này khi ký kết hợp đồng này;*
- 8.3 With regards to trading via Internet and Telephone, Customer agrees to authorize Securities Company to sign on order slips (if required by law) / *Đối với hình thức giao dịch qua Internet và điện thoại đến tổng đài, Khách hàng cam kết đồng ý ủy quyền cho Công ty Chứng khoán ký tên vào phiếu lệnh giao dịch nếu pháp luật có yêu cầu;*
- 8.4 Customer implicitly agrees to accept the Securities Company's policy regarding fees and charges, including periodic adjustments to the fee schedule, and the Customer confirms to have been properly informed regarding the Securities Company's fees and service charges upon signing this contract / *Khi Khách hàng ký hợp đồng này, khách hàng mặc nhiên chấp thuận các khoản phí theo biểu phí quy định của Công ty chứng khoán cũng như các thay đổi trong biểu phí này được Công ty Chứng khoán công bố trong từng kỳ, và Khách hàng cam kết rằng đã được thông báo rõ ràng về điều này khi ký kết hợp đồng này;*
- 8.5 On signing or authorizing a third party to sign the Buy/Sell order (and/or through agreed trading forms), Customer automatically acknowledges that Customer has thoroughly considered before requesting Securities Company to perform the trading. The following documents are parts of this contract: Securities Trading Account Opening Request Form, Buy/Sell Order slip, Buy/Sell order placing document in other forms (if any) and vouchers, documents in relevance to this contract / *Khi ký tên hoặc ủy quyền cho người khác ký vào phiếu lệnh mua/bán chứng khoán hoặc đặt lệnh mua/bán chứng khoán theo phương thức khác đã được các bên thỏa thuận, Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi đề nghị Công ty Chứng khoán thực hiện giao dịch mua/bán chứng khoán cho mình, Phiếu lệnh mua/bán chứng khoán, tài liệu đặt lệnh mua/bán chứng khoán theo phương thức khác (nếu có) và các chứng từ, tài liệu liên quan là một phần của hợp đồng này;*
- 8.6 Customer voluntarily agrees to use the new services of the Securities Company if such services do not increase the transaction fees of Customer / *Khách hàng tự nguyện chấp thuận đối với mọi dịch vụ tiện ích mới của Công ty Chứng khoán nếu các dịch vụ đó không làm phát sinh chi phí giao dịch của Khách hàng;*
- 8.7 On signing this contract, Customer acknowledges that this service provided by Securities Company is to create favorable conditions for Customer to do transactions, mistakes may occur during the process or another person may imitate Customer to do transaction. Therefore, Customer needs to keep the password confidential absolutely and comply with the regulations stipulated by Securities Company on trading on the above mentioned trading forms (if any) / *Khách hàng thừa nhận và chấp nhận rằng việc giao dịch chứng khoán thông qua các hình thức nêu tại Hợp đồng này là dịch vụ Công ty Chứng khoán cung cấp nhằm tạo thuận lợi cho Khách hàng giao dịch, dịch vụ này có thể có những nhầm lẫn phát sinh trong giao dịch hoặc Khách hàng có thể bị mạo danh để thực hiện giao dịch, do đó Khách hàng cần phải tuyệt đối bí mật về mật khẩu giao dịch và tuân thủ những quy định của Công ty Chứng khoán về giao dịch thông qua các hình thức nêu trên (nếu có);*
- 8.8 Money transfers are performed according to the regulations of the Securities Company with regards to the time, fees, and mutual responsibilities and risks for money transfer, as well as other related regulations. Customer may directly request information from the Securities Company regarding the current policies and instructions regarding money transfer / *Việc chuyển tiền tuân theo các quy định của Công ty Chứng khoán về thời gian chuyển tiền, phí chuyển tiền, trách nhiệm và rủi ro hai bên, và các điều kiện khác liên quan đến dịch vụ chuyển tiền. Để biết thêm thông tin về chính sách chuyển tiền hiện hành, khách hàng vui lòng liên hệ với công ty để được hướng dẫn thêm.*
- 8.9 Besides the online trading services specified this contract, when Securities Company offers new online services, Securities Company will have specific guidelines are posted up to the website. Customer shall be deemed to have understood the instructions carefully and take full responsible for the risks related to the voluntary register to use the service, utility provided by Securities Company. At the same time, Customer unconditional acceptance the terms and conditions of registration that Securities Company announced by time to time when using online services on the web of Securities Company / *Bên cạnh các dịch vụ giao dịch trực tuyến quy định tại Hợp đồng này, mỗi khi Công ty Chứng khoán cung cấp thêm các dịch vụ trực tuyến mới, Công ty Chứng khoán sẽ có hướng dẫn cụ thể được công bố trên website. Khách hàng được xem như là đã tìm hiểu kỹ các hướng dẫn và tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro phát sinh liên quan đến việc tự nguyện đăng ký sử dụng các dịch vụ, tiện ích giao dịch do Công ty Chứng khoán cung cấp. Đồng thời, khách hàng chấp nhận vô điều kiện các điều khoản và điều kiện được Công ty Chứng khoán công bố khi đăng ký sử dụng dịch vụ trực tuyến đó ngay trên giao diện web của Công ty Chứng khoán.*
- 8.10 Customer confirms to have read or been adequately instructed regarding legal requirements for opening a securities trading account, trading, authorization, information disclosure / *Khách hàng xác nhận rằng họ đã đọc hoặc được hướng dẫn các quy định về mở tài khoản, giao dịch, ủy quyền, công bố thông tin theo quy định pháp luật và đã được cung cấp thông tin đúng quy định.*
- 8.11 Securities Company will provide to Customer statements of account, requirement for the change of contract's content and/or transaction advices relating to the Opening Account Contract at such regular interval as determined by Securities Company from time to time in accordance with all applicable laws, rules and regulations. Customer shall examine each statement of account, requirement and transaction advice provided by Securities Company to check their accuracy and to see if there are any error(s) or omission(s) therein and notify Securities Company of any alleged error(s) or omission(s) within 15 days after (i) personal delivery of such statement, requirement or advice to Customer; or (ii) Securities Company has posted such statement, requirement or advice is sent by post; or (iii) Securities Company has emailed such statement, requirement or advice if it is sent by email and, after such period the content of information provided or the terms, conditions and other particulars of the relevant Transaction (except for any alleged error(s) or omission(s) so notified) shall be deemed to be correct and conclusively settled between Securities Company and Customer shall be deemed to have agreed to waive any rights to raise objections or pursue any remedies against Securities Company in respect thereof / *Công ty Chứng khoán sẽ cung cấp các báo cáo số dư tài khoản Khách hàng, yêu cầu thay đổi nội dung các điều khoản của hợp đồng và / hoặc tư vấn giao dịch liên quan đến tài khoản chứng khoán một cách thường xuyên theo quyết định của Công ty Chứng khoán ở từng thời kỳ phù hợp với quy định pháp luật. Khách hàng có trách nhiệm kiểm tra số dư tài khoản, yêu cầu và tư vấn giao dịch được cung cấp bởi Công ty Chứng khoán để kiểm tra độ chính xác và nếu có bất kỳ lỗi hoặc thiếu sót nào phải thông báo cho Công ty Chứng khoán trong vòng 15 ngày sau ngày (i) khách hàng nhận được báo cáo, yêu cầu hoặc tư vấn, hoặc (ii) Công ty Chứng khoán đã gửi báo cáo, yêu cầu hoặc tư vấn qua đường bưu điện, hoặc (iii) ngày Công ty Chứng khoán gửi email báo cáo, yêu cầu hoặc tư vấn nếu không được gửi qua email. Sau thời hạn này, các nội dung thông báo hoặc các điều khoản, điều kiện và các điểm khác của các giao dịch có liên quan được coi là chính xác và được khách hàng chấp nhận và kết luận rằng Khách hàng đồng ý từ bỏ bất kỳ quyền nào để phản đối hoặc theo đuổi bất kỳ biện pháp khắc phục hậu quả nào đối với Công ty Chứng khoán. Customer undertakes that the residential address, email, telephone number, fax (if any) in this contract and relevant agreement is the address which Securities Company will send all documents, transactional materials, the notice document relating to the carry out contract obligations. Customer must inform Securities Company if have any change information relevant personal information which Customer provide to Securities Company / *Khách hàng cam kết nơi cư trú, địa chỉ email, số điện thoại, số fax... (nếu có) trong Hợp đồng này và các thỏa thuận có liên quan là địa chỉ để Công ty Chứng khoán gửi tài cả các văn bản, tài liệu giao dịch, các thông báo liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng. Khách hàng phải thông báo nếu có bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến thông tin cá nhân mà Khách hàng cung cấp cho Công ty Chứng khoán. Khách hàng sẽ tự chịu trách nhiệm nếu có bất kỳ thiệt hại, tổn thất nào do chậm trễ trong việc thông báo thông tin cho Công ty Chứng khoán. Documents, materials, notice documents will be sending via one or many methods: telephone, SMS, fax, email... / *Việc gửi văn bản, tài liệu, thông báo có thể được thực hiện thông qua một hoặc nhiều phương thức: điện thoại, SMS, fax, thư điện tử... All documents, materials, notice documents shall be considered to be received after sending by SMS, fax, email... or when the post office completes the sending process / *Mọi văn bản, tài liệu, thông báo được coi như đã nhận sau khi được gửi đi bằng SMS, fax, thư điện tử... hoặc sau khi bưu điện hoàn thành việc gửi thư.****
- 8.12 Securities Company shall not be obliged to act on any Instruction for cancellation variation or amendment of any Instruction already given to Securities Company nor be responsible or liable to Customer for any loss or expense suffered or incurred by Customer if the original has already been completed or the opinion of Securities Company, Securities Company has insufficient time or is unable to act on such Instruction to cancel, vary or amend the original Instruction / *Công ty Chứng khoán không có nghĩa vụ hành động theo bất kỳ lệnh nào cho sự thay đổi, hủy bỏ hoặc sửa đổi bất kỳ yêu cầu nào Khách hàng đã thông báo cho Công ty Chứng khoán, Công ty chứng khoán cũng không chịu trách nhiệm đối với Khách hàng về bất kỳ tổn thất hoặc chi phí nào phát sinh của Khách hàng nếu lệnh ban đầu đã được hoàn thành hoặc Công ty Chứng khoán không đủ thời gian hoặc không thể hành động như yêu cầu đề hủy bỏ, thay đổi hoặc sửa đổi lệnh ban đầu;*
- 8.13 Securities Company shall not be liable for losses of any kind which may be incurred by Customer as a result of the provision of the Services by Securities Company in accordance with Instructions nor, in any other case (including without limitation any delay, error or failure in making available the essential features of a securities transaction) unless due to the negligence or willful default of Securities Company or any other person appointed by it or their respective officers or employees / *Công ty Chứng khoán không phải chịu trách nhiệm về bất cứ thiệt hại nào có thể được phát sinh từ Khách hàng không tuân theo hướng dẫn, và trong các trường hợp khác (bao gồm nhưng không giới hạn bất kỳ lỗi, chậm trễ hay thất bại trong việc cung cấp các tính năng cần thiết cho giao dịch chứng khoán) trừ khi chứng minh được thiệt hại đó là do sự cố của Công ty Chứng khoán hoặc bất kỳ cán bộ, nhân viên được chỉ định bởi Công ty Chứng khoán.*

**Article 9 / Điều 9: Statement of Risk / Báo cáo bổ rủi ro**

- 9.1 Customer acknowledges that Securities prices would always fluctuate, and moving either up or down, and in some case it may become worthless. Customer acknowledges a potential risk that losses may occur more often than profits in securities trading.



- Khách hàng mặc nhiên thừa nhận giá chứng khoán có thể và luôn luôn biến động, và một chứng khoán bất kỳ có thể lên hoặc xuống giá, và trong một số trường hợp có thể trở nên hoàn toàn vô giá trị. Khách hàng công nhận rằng luôn có một rủi ro tiềm tàng là thua lỗ có thể xuất hiện nhiều hơn là có lãi khi mua bán chứng khoán
- 9.2 Customer acknowledges that executing securities transactions via Internet and/or Telephone has the unseem potential for risks due to system errors or external factors. These risks include/ Khách hàng thừa nhận rằng việc đặt lệnh mua/bán chứng khoán qua Internet và/hoặc qua điện thoại luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi của hệ thống hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác. Những rủi ro này bao gồm:
- Hardware or software technical issues / Lỗi kỹ thuật hệ thống phần cứng, phần mềm;
  - Risk of interruption of trades due to network problems / Nguy cơ ngưng trệ hoạt động của hệ thống mạng do tắc nghẽn đường truyền;
  - Computer viruses may have the potential to interrupt online transactions and transfer of information / Các máy tính có thể bị nhiễm virus làm ngưng trệ các hoạt động trao đổi thông tin trong mạng máy tính;
  - Transaction orders may be interrupted, suspended, or delayed, or have errors in data / Lệnh giao dịch có thể bị treo, bị ngừng, bị trì hoãn, hoặc có lỗi dữ liệu;
  - The identity of organizations or investors may be mistaken, wrong / Việc nhận dạng các tổ chức hoặc nhà đầu tư có thể bị nhầm, sai sót;
  - Securities price boards and other information may be incorrect or not up to date / Bảng giá chứng khoán và các thông tin chứng khoán khác có thể có lỗi hoặc sai, lệch;
  - Other risks / Những rủi ro khác.
- 9.3 The Securities Company does not bear responsibility if Customer reveals login password or trading authorization code to another party. In the event that Customer discovers that an unauthorized party has used Customer's password or trading authorization code, Customer must inform immediately to the Securities Company in order to halt transactions and take appropriate action;  
Công ty Chứng khoán không chịu trách nhiệm nếu khách hàng để lộ mật khẩu truy cập, mật khẩu giao dịch. Trong trường hợp Khách hàng phát hiện có người không được ủy quyền sử dụng mật khẩu truy cập và đặt lệnh của mình, Khách hàng phải thông báo ngay lập tức cho Công ty Chứng khoán để đình chỉ giao dịch và có biện pháp xử lý kịp thời
- 9.4 Customer understands and acknowledge that placing order via telephone, Web-trading always bear potential risks caused by internet/telecommunication system errors; or/and by any third parties. Customer therefore commits to acceptance of those risks and/or losses and/or damages that are arisen from securities transaction performed via telephone or web-trading and/or that is caused by internet/telecommunication system errors and/or by any other third parties or by customer's behavior, any of which consequently affects the securities transactions or the usage of Customer's securities trading account. Customer commits to comply with directions and regulations of Securities Company about using trading account or about trading performed via Internet or/and Telephone.  
Khách hàng cam kết chấp nhận rủi ro, mất mát hoặc thiệt hại phát sinh từ việc giao dịch qua Internet và/hoặc qua điện thoại do lỗi hệ thống, lỗi của bất kỳ bên thứ ba nào khác hoặc do hành vi của Khách hàng ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch mua/bán chứng khoán hoặc sử dụng Tài khoản Giao dịch Chứng khoán của Khách hàng. Khách hàng cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các hướng dẫn, quy định của Công ty Chứng khoán về việc sử dụng Tài khoản hoặc thực hiện giao dịch mua/bán chứng khoán qua Internet và/hoặc qua điện thoại

**Article 10 / Điều 10: Settlement of Disputes / Giải quyết tranh chấp**

Disputes arising from and/or in connection to this contract shall be settled firstly by amicable negotiation. In failure to reach agreement by amicable negotiation, either party may refer the dispute to the competent court of Vietnam for settlement as regulated by the laws and regulations of Vietnam.  
Tất cả các tranh chấp phát sinh từ và/hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết trước tiên bằng con đường hoà giải. Trong trường hợp không giải quyết được bằng con đường thương lượng hoà giải, một trong các bên có thể đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án Việt Nam có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**Article 11 / Điều 11: Validity of the Contract / Hiệu lực hợp đồng**

- 11.1 This contract is valid from the signing date until written contract termination agreement / Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi hai bên có thỏa thuận chấm dứt hợp đồng bằng văn bản;
- 11.2 This contract would be terminated before the expiry date in the following cases / Hợp đồng có thể được chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp:
- As requested by Customer / Khách hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng;
  - Customer is in breach of the Laws and Regulations on Securities and Securities Markets / Khách hàng vi phạm nghĩa vụ, thực hiện hành vi bị cấm theo qui định của pháp luật về Chứng khoán và thị trường chứng khoán;
  - Customer dies, behavioral disabilities, be prosecuted under the law / Khách hàng bị chết, bị mất năng lực hành vi, bị truy tố trước pháp luật;
  - In the event of Securities Company's dismissal, bankruptcy, suspension, or license revocation / Công ty Chứng khoán giải thể, bị phá sản, bị đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép hoạt động;
  - Information provided by Customer is incorrect / Khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật.

**TERMS AND CONDITIONS FOR USE OF ONLINE SECURITIES TRADING SERVICES/ ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRỰC TUYẾN**

**I. BASE ON/ CĂN CỨ**

- A. The content of Contract for securities trading account/ Nội dung Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán;
- B. Customer expected to use online securities transaction service and other utility online services provided by PHS/ Khách hàng mong muốn sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, cùng các tiện ích trực tuyến khác do PHS cung cấp;
- C. The Customer read, was instructed, comprehended the usage as well as risks when The Customer uses services, online utilities and agreed to adapt conditions set out by PHS to receive such service/ Khách hàng đã đọc, đã được giải thích, đã hiểu rõ cách thức sử dụng, cũng như các rủi ro khi Khách hàng sử dụng các dịch vụ, tiện ích trực tuyến và bằng lòng chấp nhận các điều kiện mà PHS đặt ra để được hưởng dịch vụ như vậy;
- D. PHS wishes to provide its The Customer with such services/ PHS mong muốn cung cấp cho Khách hàng các dịch vụ như vậy.

II. Therefore, Customer and PHS agree the Terms and conditions for use of online securities trading services (hereinafter referred to as "Terms") as follows/ DO VẬY, Khách hàng và PHS đồng ý Điều khoản sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến (Sau đây gọi là "Điều khoản") như sau:

Article 1/ Điều 1: Definition: Terms in this contract have the following meaning/ Định nghĩa: Các cụm từ trong Điều khoản này có ý nghĩa như sau

- 1.1 "Electronic means": means Parties use Internet, email, yahoo chat, Skype chat, web-chat, Internet application software, telephone, fax, SMS or other electronic means to communicate with each other/ "Phương Tiện Điện Tử" nghĩa là việc các Bên sử dụng Internet, email, chat yahoo, chat skype, web-chat, các phần mềm ứng dụng Internet, điện thoại, fax, tin nhắn SMS, hoặc một phương tiện điện tử khác để trao đổi với nhau.
- 1.2 "Online Securities Trading Service" means (i) services provided by Company to The Customer to open securities trading account, buying/selling order, cancelling orders, receiving results of orders, odd lot stock transaction, as well as other supporting services for securities transactions, online utility and (ii) implemented via Electronic means / "Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Khoán Trực Tuyến" nghĩa là (i) các dịch vụ do PHS cung cấp cho Khách hàng để mở tài khoản chứng khoán, đặt lệnh mua bán chứng khoán, hủy lệnh mua bán, nhận kết quả mua bán, giao dịch lô lẻ, cũng như các yêu cầu hỗ trợ giao dịch chứng khoán khác, các tiện ích trực tuyến khác; và (ii) được thực hiện thông qua Phương Tiện Điện Tử.
- 1.3 "System" means a software system established by PHS for Customer to trade online including but not limited to software programs, utilities, applications; and installed, the user manual for the Customer at PHS's domain name is [www.phs.vn](http://www.phs.vn) / "Hệ Thống" nghĩa là hệ thống phần mềm do PHS thiết lập để Khách hàng qua đó thực hiện các Giao Dịch Trực Tuyến bao gồm và không giới hạn các chương trình phần mềm, tiện ích, các ứng dụng; và được cài đặt, hướng dẫn sử dụng cho Khách hàng tại địa chỉ tên miền chính của PHS là [www.phs.vn](http://www.phs.vn)
- 1.4 "The Risk Statement" means a statement of risks related to the use of Online Trading on this contract and/or on PHS's website / "Bản Công Bố Rủi Ro" nghĩa là một bản công bố các rủi ro liên quan đến việc sử dụng Giao Dịch Trực Tuyến trên website của PHS.
- 1.5 "Securities" means stocks are traded on Stock Exchanges / "Chứng Khoán" nghĩa là các chứng khoán được giao dịch trên các Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 1.6 "Username" is the sequence of characters provided by the System and The Customer registered to use online securities trading services / "Tên Đăng Nhập" là dãy ký tự do Hệ Thống cung cấp và Khách hàng đăng ký sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Khoán Trực Tuyến.
- 1.7 "Password" is a series of codes provided by PHS when The Customer registered using the online securities trading service, The Customer has responsible for changing password regularly and continuously to secure their information / "Mật Khẩu" là dãy mã hiệu do PHS cung cấp khi Khách hàng đăng ký sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Khoán Trực Tuyến, Khách hàng có trách nhiệm thay đổi mật khẩu thường xuyên và liên tục để bảo mật thông tin của mình.
- 1.8 "Trading password" is the number of digits which is random generated by the system, will be provided when The Customer registered to use services online stock trading. Trading password can be changed by The Customer. The Customer is responsible for filling out this series when he/she/they placed orders into the online trading system to enhance security to the transaction/ "Mật khẩu giao dịch" là chuỗi ký tự phát sinh ngẫu nhiên bởi hệ thống, do PHS cung cấp khi Khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến. Mật khẩu giao dịch có thể được thay đổi bởi Khách hàng, Khách hàng có trách nhiệm điền chuỗi ký tự này khi thực hiện lệnh vào hệ thống giao dịch trực tuyến nhằm tăng cường tính bảo mật cho việc giao dịch.
- 1.9 "Electronic Order" mean data message which records data about a trading order and use Online Utilities (if any), of which The Customer or Authorized party of The Customer has placed via the data System at a specific time when only that The Customer is able to access such system via an Username and password. Electronic Order is a proof of The Customer's order transaction confirmation/ "Phiếu Lệnh Điện Tử" là thông điệp dữ liệu ghi lại các dữ liệu mà Khách hàng, hoặc người ủy quyền đã đặt lệnh giao dịch và sử dụng Tiện Ích Trực Tuyến (nếu có) qua Hệ Thống tại một thời điểm nhất định mà chỉ có Khách hàng truy cập được vào Hệ Thống đó thông qua Tên Đăng Nhập và Mật Khẩu truy cập. Phiếu Lệnh Điện Tử là bằng chứng xác nhận giao dịch đặt lệnh của Khách hàng.
- 1.10 "Online Utilities" means the online utility which company provides to The Customer at present and in the future, such as the utility of Cash Advance for selling matched stocks; Dividend Advance; online money transfer service, and other utilities will be notified by PHS to The Customer from time to time / "Tiện Ích Trực Tuyến" nghĩa là các tiện ích trực tuyến mà PHS cung cấp cho Khách hàng trong hiện tại và tương lai, chẳng hạn tiện ích Ứng trước tiền bán chứng khoán, Ứng trước tiền cổ tức; Tiện ích chuyển tiền trực tuyến; và các tiện ích khác sẽ được PHS thông báo cho Khách hàng vào tùy từng thời điểm.
- 1.11 "Cash Account" means the cash account opened at the Bank connected with PHS, or another account provided by The Customer and registered in PHS / "Tài Khoản Tiền" nghĩa là tài khoản tiền do Khách hàng mở tại Ngân hàng liên kết với PHS, hoặc một tài khoản khác do Khách hàng cung cấp và đăng ký tại PHS.

- 1.12 “Cash Advance” means the amount equivalent to the pending amount of stock selling/ dividend, and PHS advances to The Customer, and will be transferred to the Cash Account of The Customer when The Customer makes the advance order successfully and they must pay an Advance fee / “**Khoản Ứng Trước**” nghĩa là số tiền tương ứng với số tiền bán Chứng Khoán/Cổ tức đang trên đường về, và được PHS ứng trước cho Khách hàng. Khoản Ứng Trước sẽ được chuyển vào Tài Khoản Tiền của Khách hàng khi Khách hàng đặt lệnh ứng trước thành công và Khách hàng phải trả một mức phí ứng trước.
- 1.13 “Service Fee” is the general fee that The Customer must pay PHS from using Online Utilities / “**Phí Dịch Vụ**” là các khoản phí nói chung mà Khách hàng phải trả cho PHS từ việc sử dụng Tiện Ích Trực Tuyến.
- 1.14 “Advance Fee” means the fee The Customer must pay PHS in each times when The Customer uses cash advance of selling stock / “**Phí Ứng Trước**” nghĩa là khoản phí phải trả cho PHS theo từng lần Khách hàng sử dụng tiện ích Ứng trước tiền bán chứng khoán.
- 1.15 “Force Majeure” mean the event in which PHS cannot fix the damage quickly as sudden fires, earthquakes, emergency decisions of government, riots, strikes, or other emergency beyond the control of PHS / “**Bất Khả Kháng**” là sự kiện mà theo đó PHS không thể khắc phục được thiệt hại một cách nhanh chóng như bất ngờ hỏa hoạn, động đất, các quyết định khẩn cấp của Chính Phủ, bạo động, đình công, hoặc các tình trạng khẩn cấp khác vượt ngoài sự kiểm soát của PHS.

**Article 2/ Điều 2: Use Online Securities Trading Service / Sử Dụng Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Khoán Trực Tuyến**

- 2.1 By this Terms, PHS agrees to provide and The Customer agree to meet the conditions specified by PHS to use the Online Securities Trading Service and Online Utility existing at present or formed in the future/ Bằng Điều khoản này, PHS đồng ý cung cấp và Khách hàng đồng ý đáp ứng các điều kiện do PHS quy định để sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Khoán Trực Tuyến và Tiện Ích Trực Tuyến hiện có hoặc hình thành trong tương lai.
- 2.2 The Other Online Utilities announced by PHS depending on the time in the future. The Customer understands that upon signing this Agreement, means The Customer is entitled to use all services and utilities in present and the future if The Customer meets all the service conditions issued by PHS, and in this case, The Customer does not need to sign other new Agreement, and the Agreement is automatically valid/ Các Tiện Ích Trực Tuyến khác sẽ do PHS công bố tùy thuộc vào từng thời điểm trong tương lai. Khách hàng hiểu rằng khi ký Điều khoản này, nghĩa là Khách hàng được quyền sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích của PHS trong hiện tại và tương lai, nếu đáp ứng điều kiện dịch vụ do PHS quy định; và trong trường hợp này, Khách hàng không phải ký mới Điều khoản khác, mà Điều khoản mặc nhiên có hiệu lực tiếp tục.

**Article 3/ Điều 3: Services fee / Phí Dịch Vụ**

- 3.1 Upon on the needs of The Customer from time to time, he/she/they may use one or all of the Online Utilities provided by PHS and shall pay the Service Fee. Service Fees include many fees, such as Advance Fee and other fees incurred in the future, such as money transfer fee ... Company will decide the fees and will adjust as the appropriate time to time and will notice to The Customer/ Tùy vào nhu cầu của Khách hàng vào từng thời điểm, Khách hàng có thể sử dụng một hoặc tất cả các Tiện Ích Trực Tuyến do PHS cung cấp và phải trả Phí Dịch Vụ tương ứng. Phí Dịch Vụ bao gồm nhiều loại phí, như Phí Ứng Trước, và các loại phí phát sinh khác trong tương lai, như Phí chuyển tiền... PHS sẽ ấn định các loại phí và sẽ điều chỉnh theo từng thời điểm phù hợp và sẽ thông báo cho Khách hàng.
- 3.2 The Customer agrees to authorize, irrevocably in all cases for Company automatically extracted, transferred, deduct from the securities transaction deposit accounts in order to recover the advance amount, fees and others financial obligation of The Customer/ Khách hàng đồng ý ủy quyền, không hủy ngang trong mọi trường hợp cho PHS chủ động trích, chuyển, khấu trừ số tiền có trong tài khoản giao dịch chứng khoán để thu hồi số tiền đã ứng trước, các loại phí và nghĩa vụ tài chính khác của Khách hàng.

**Article 4/ Điều 4: Time of providing Online Securities Trading Service / Thời Gian Cung Cấp Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Khoán Trực Tuyến**

- 4.1 PHS provides Online Securities Trading Service continuously and consistently with the time of securities trading regulated by the State Securities Commission and the legal Stock Exchange / Cung cấp, hưởng PHS cung cấp Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Khoán một cách liên tục và phù hợp với thời gian giao dịch chứng khoán quy định bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, và các Sở Giao Dịch Chứng Khoán hợp pháp.
- 4.2 In case, System at PHS should shut down for repairs and maintenance, or shut down at the request of the State Securities Commission, the legal Stock Exchange, or/and other competent State agencies, PHS will notify The Customer through PHS’s website and / or send email, fax, phone, message and/or other agreed methods to The Customer/ Trong trường hợp, Hệ Thống tại PHS cần phải ngưng hoạt động để sửa chữa bảo trì, hoặc ngưng hoạt động theo yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, các Sở Giao Dịch Chứng Khoán hợp pháp, hoặc / và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác, PHS sẽ thông báo đến Khách hàng qua website của PHS và/hoặc gửi email, fax, điện thoại, nhắn tin hoặc bằng phương thức khác đã thỏa thuận với Khách hàng.

**Article 5/ Điều 5: Confidential / Bảo Mật**

- 5.1 The Customer is responsible for security information such as username / password; trading password; purchase orders, order of support trading, and other Orders / Khách hàng có trách nhiệm bảo mật các thông tin như Tên Đăng Nhập/Mật Khẩu; Mật khẩu giao dịch; Lệnh mua bán, Lệnh yêu cầu hỗ trợ giao dịch; và các lệnh khác.
- 5.2 Where The Customer finds out the security information above is no longer under his control, shall notify PHS timely. If The Customer does not notice that the voluntary process, resulting in damage, The Customer must be bear responsible/ Trường hợp Khách hàng phát hiện các thông tin cần bảo mật nêu trên không còn thuộc sự kiểm soát của mình, phải thông báo cho PHS xử lý kịp thời, nếu Khách hàng không thông báo mà tự ý xử lý, dẫn đến thiệt hại, thì Khách hàng phải tự chịu trách nhiệm.
- 5.3 PHS is responsible for repairing the breakdown, security and storage of The Customer’s information, is not entitled or permitted to disclose to third parties unless required of competent State agencies. Where The Customer forgot or lost Username / Password, PHS is obliged to restore/ PHS có trách nhiệm khắc phục sự cố, bảo mật và lưu giữ thông tin của Khách hàng, không được quyền hay được phép tiết lộ cho bên thứ ba nào, trừ khi phải thực hiện theo yêu cầu của của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp Khách hàng quên hay làm mất Tên Đăng Nhập/Mật Khẩu, PHS có nghĩa vụ khôi phục lại cho Khách hàng.

**Article 6/ Điều 6: Risks / Rủi Ro**

To avoid misunderstandings, and avoid later disputes, The Customer using the Online Securities Trading Service will understand the risks arising from it as noted in the Risk Statement, and even for risks outside the predictable securities laws, and The Customer agrees to accept such risks/ Để tránh hiểu lầm và tránh tranh cãi về sau, Khách hàng khi sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Khoán Trực Tuyến hiểu các rủi ro sẽ phát sinh từ việc Sử Dụng Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Khoán như đã ghi nhận tại Bảng Công Bố Rủi Ro, và kể cả đối với các rủi ro nằm ngoài sự tiên liệu của pháp luật chứng khoán và Khách hàng đồng ý chấp nhận các rủi ro đó.

**Article 7/ Điều 7: The Customer’s Commitment and undertaking / Cam Đoan và Bảo Đảm của Khách Hàng**

- 7.1 The Customer has read, comprehended and complied with the instructions in the Online Trading Guiding announced by PHS from time to time, PHS does not assume any liability for damages arising from The Customer who fail to comply with above guiding/ Khách hàng đã đọc kỹ, hiểu rõ và tuân thủ các hướng dẫn Giao Dịch Chứng Khoán Trực Tuyến của PHS được công bố theo từng thời kỳ, PHS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các thiệt hại phát sinh từ việc Khách hàng không thực hiện đúng những hướng dẫn trên.
- 7.2 Agrees that any action access/transactions to/on The Customer’s account with the correct username and login password, trading password or other factors identified by PHS which provide to The Customer is considered accessible by The Customer/ Đồng ý rằng bất cứ hành động truy cập/giao dịch nào vào/trên tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng bằng tên truy cập với đúng Mật khẩu đăng nhập và Mật khẩu giao dịch hoặc các yếu tố định danh khác do PHS cung cấp cho Khách hàng đều được coi là Khách hàng truy cập.
- 7.3 Be liable for paying service fee and other fees as announced by Company from time to time / Thanh toán đầy đủ Phí dịch vụ và lệ phí khác theo quy định của PHS đã được Công bố công khai theo từng thời kỳ.
- 7.4 The Customer makes commitment and ensure that The Customer has provided all the trusted information and will notify to PHS if any information changes. If The Customer does not notice the changing information and PHS send the information to the invalid address, or The Customer loses the benefit because of wrong information, The Customer himself must be responsible/ Khách hàng cam đoan và bảo đảm Khách hàng đã cung cấp đầy đủ các thông tin của mình là trung thực, và sẽ thông báo cho PHS khi có sự thay đổi thông tin đó. Trường hợp Khách hàng không thông báo thông tin thay đổi, dẫn đến việc PHS gửi đến địa chỉ không nhận được, hoặc Khách hàng mất các lợi ích từ các thông tin đó, thì Khách hàng phải tự chịu trách nhiệm.
- 7.5 The Customer commits and ensures that The Customer will not use loopholes and errors from the Online Trading to get profits, or unintentional gain because of failure system, lead to the loss for PHS and/or the third parties; The Customer must be responsible under the current law/ Khách hàng cam đoan và bảo đảm sẽ không sử dụng sơ hở, sai sót từ các Giao Dịch Chứng Khoán Trực Tuyến trực lợi, hoặc vô tình đạt được những món lợi từ lỗi Hệ Thống mà không thông báo hoặc hoàn trả cho PHS, mà dẫn đến thiệt hại cho PHS và/hoặc cho bên thứ ba, thì Khách hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Article 8/ Điều 8: PHS’s commitment and undertaking / Cam đoan và bảo đảm của PHS**

- 8.1 PHS does not have any commitments, guarantee or priority transfer, successful implementation the online transactions of any The Customer when using online trading services and / or performing online trading/ PHS không có bất kỳ cam kết, đảm bảo hoặc ưu tiên chuyển tiếp, thực hiện thành công các Giao dịch trực tuyến của bất kỳ Khách hàng nào khi sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến và/hoặc thực hiện Giao dịch trực tuyến.
- 8.2 For online transactions where PHS’s ability to control its notice signs of suspicious, unusual or invalid, PHS may refuse to perform or to verify, check before implementation / Đối với các Giao dịch trực tuyến mà PHS trong khả năng kiểm soát của mình nhận thấy có dấu hiệu khả nghi, bất thường hoặc không hợp lệ, PHS có thể từ chối thực hiện hoặc phải xác minh, kiểm tra lại trước khi thực hiện.
- 8.3 Provide, guidance and support The Customer to use of Online Securities Trading Service, and announced the new utilities and fees corresponding such services; quickly and promptly remedy the problem as soon as The Customer requires/ Cung cấp, hướng dẫn và hỗ trợ Khách hàng sử dụng Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Khoán Trực Tuyến; và công bố các tiện ích mới và Phí Dịch Vụ tương ứng cho Khách hàng; nhanh chóng và kịp thời khắc phục các sự cố ngay khi Khách hàng yêu cầu.
- 8.4 Storing Electronic Order, the electronic documents relating to transactions which The Customer makes, and make sure the evidence accessed and used for reference if necessary / Lưu trữ các Phiếu Lệnh Điện Tử, các chứng từ điện tử liên quan đến các giao dịch mà Khách hàng thực hiện, và đảm bảo các bằng chứng này có thể truy cập và sử dụng để tham chiếu khi cần thiết.



8.5 Prior notice to The Customer in the event of suspension, change, modification, maintenance of the system, or for the cessation of Online Securities Trading Service in part or whole as required by the competent State agencies, or depend on the condition of PHS/ Thông báo trước cho Khách hàng trong trường hợp tạm ngưng, thay đổi, chỉnh sửa, bảo trì đối với Hệ Thống, hoặc đối với việc ngưng Sử Dụng Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến một phần hoặc toàn bộ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc phụ thuộc vào tình trạng của PHS.

8.6 In the event of a breakdown of Internet, or system failure and make the Online Trading cannot be done, PHS shall inform as soon as possible on the website, or/ and notice at an order in place, the agents, branches and head-quarters of PHS and / or send email, fax, phone, message and/or other agreed methods for The Customer to promptly carry out securities transactions through brokers of PHS/ Trong trường hợp xảy ra các sự cố về đường truyền Internet, hoặc lỗi Hệ Thống dẫn đến các Giao Dịch Trực Tuyến không thể thực hiện được, PHS phải thông báo ngay khi có thể trên website, hoặc/và thông báo tại các địa điểm nhận lệnh, đại lý, chi nhánh và trụ sở PHS và/hoặc gửi email, fax, điện thoại, nhắn tin hoặc bằng phương thức khác đã thỏa thuận, để Khách hàng kịp thời thực hiện các giao dịch chứng khoán thông qua nhân viên môi giới của PHS.

**Article 9/ Điều 9: Immunity from liability / Miễn Trừ Trách Nhiệm**

9.1 PHS is immunity from liability to the risks is recorded in The Risks Statement, and/or The Customer accepts the risks and/ or unpredictable risks by Company and applicable law / PHS được miễn trừ trách nhiệm đối với các rủi ro được ghi nhận tại Bản Công Báo Rủi Ro, và/ hoặc Khách hàng chấp nhận các rủi ro và/ hoặc các rủi ro không thể tiên liệu được bởi PHS và luật áp dụng.

9.2 Within three (3) day, from the date of The Customer using one among the Online Securities Trading Services, if The Customer does not appeal, dispute, PHS will be immunized from liability for that services/ Trong vòng 3 ngày, kể từ ngày Khách hàng sử dụng một trong các Dịch Vụ Giao Dịch Chứng Khoán Trực Tuyến, mà Khách hàng không khiếu nại, tranh chấp, thì PHS được miễn trừ mọi trách nhiệm đối với các dịch vụ đó.

**Article 10/ Điều 10: Dispute Resolution / Giải Quyết Tranh Chấp**

Any disputes between the Parties arising out of or relating to or in connection with this Agreement will be resolved through negotiations. If the Parties fail to settle the disputes amicably within thirty (30) days of the date on which such disputes occur, any and all disputes arising out of or in connection with this Agreement shall be referred to competent court of Vietnam/ Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc có liên quan đến Điều khoản này hoặc việc thực hiện Điều khoản này giữa các Bên trước tiên sẽ được các Bên giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không giải quyết tranh chấp được trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày tranh chấp, các tòa án Việt Nam có thẩm quyền giải quyết bất kỳ tranh chấp nào có thể phát sinh từ hoặc có liên quan đến Điều khoản này.

**Article 11/ Điều 11: The Risks Statement/ Bản công bố rủi ro**

The risks listed below are the risks stated with online trading has been received by the time of this Risks Statement was prepared. So this is not all of the risks that The Customer can meet during online trading period. This Risks Statement will be updated by PHS when new risks are identified. PHS requires The Customer updates the amendments and supplements of the Risks Statement at the same time with the changes, additions were announced on PHS's website/ Những rủi ro được liệt kê dưới đây là những rủi ro liên quan đến giao dịch trực tuyến đã được nhận diện cho đến trước thời điểm Bản công bố rủi ro này được soạn thảo. Vì vậy đây không phải là toàn bộ những rủi ro mà Khách hàng có thể gặp phải trong quá trình giao dịch trực tuyến. Bản công bố rủi ro này sẽ được PHS cập nhật khi có những rủi ro mới phát sinh được nhận diện. PHS yêu cầu Khách hàng cập nhật những sửa đổi, bổ sung đối với Bản công bố rủi ro ngay khi những thay đổi, bổ sung này được PHS thông báo trên trang thông tin điện tử giao dịch trực tuyến.

The following risks that The Customer can meet during online trading period / Những rủi ro mà Quý Khách hàng có thể gặp phải trong quá trình thực hiện giao dịch trực tuyến:

- Risks on hardware, software do not work or fails work of its function due to floods, fires, natural disasters, electrical, natural damages, acts of vandalism or fraud caused by human for orders cannot made, or made but not true to the original content orders/ Rủi ro các phần cứng, phần mềm không hoạt động hoặc hoạt động không đúng chức năng thiết kế do lũ lụt, hỏa hoạn, thiên tai, chấp điện, hư hỏng tự nhiên, hành vi phá hoại hoặc gian lận của con người khiến cho lệnh giao dịch không được thực hiện hoặc được thực hiện nhưng không đúng với nội dung lệnh ban đầu.
- Risks on telephone lines or internet of provider meet technical incident or overload / Rủi ro đường truyền điện thoại hoặc internet của nhà cung cấp dịch vụ gặp sự cố kỹ thuật hoặc quá tải.
- Risks on handling orders equipments deactivated or slow operation due to obstruction by the number of orders exceeds the design capacity leading to orders of The Customer fail / Rủi ro thiết bị xử lý lệnh giao dịch bị ngừng hoạt động hoặc hoạt động chậm do tắc nghẽn bởi số lượng lệnh giao dịch vượt quá dung lượng thiết kế khiến cho lệnh giao dịch của Khách hàng không thực hiện được.
- Risks on orders of The Customer has sent so irrevocable and can create a immediately payment obligations or securities for The Customer/ Rủi ro lệnh giao dịch một khi đã được Khách hàng gửi đi thì không thể thu hồi và có thể tạo ra cho Khách hàng một nghĩa vụ thanh toán tiền hoặc chứng khoán ngay lập tức.
- Risks on confirmation of the identifying information of The Customer (username, password, phone number, fax number, email address) cannot done leading to orders of The Customer is denied / Rủi ro việc xác nhận các thông tin nhận dạng Khách hàng (tên truy cập, mật khẩu truy cập, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử) không thực hiện được dẫn đến lệnh giao dịch của Khách hàng bị từ chối.
- Risks on information of stock prices or feedback on the receiving orders, trading on website is inaccurate due to latency leading to trading decisions of The Customer based on this information is skewed/ Rủi ro thông tin bảng giá chứng khoán hoặc các thông tin phản hồi về việc nhận lệnh giao dịch, thực hiện giao dịch trên trang thông tin điện tử là không chính xác do độ trễ khiến cho quyết định giao dịch của Khách hàng dựa trên các thông tin này bị sai lệch.
- Risks on identifying information of The Customer (username, password, phone number, fax number, email address) being appropriated by illegal tricks from third parties, then do the unintended transactions of The Customer on the account's The Customer/ Rủi ro các thông tin nhận dạng Khách hàng (tên truy cập, mật khẩu truy cập, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử) bị bên thứ 3 chiếm đoạt bằng các thủ đoạn bất hợp pháp, sau đó thực hiện các giao dịch ngoài ý muốn của Khách hàng trên tài khoản của Khách hàng.
- Risk on confidential information relating to The Customer or The Customer's transactions exposed to the outside in the process of sending and receiving information from PHS / Rủi ro các thông tin cần bảo mật liên quan đến Khách hàng hoặc giao dịch của Khách hàng bị lộ ra bên ngoài trong quá trình gửi và nhận thông tin từ PHS.

**Article 12/ Điều 12: Other Terms / Điều khoản khác**

- 12.1 This Agreement is governed and construed in accordance with the Law of Vietnam / Điều khoản này được điều chỉnh và giải thích theo quy định của Luật Việt Nam.
- 12.2 This Agreement takes effect from signing date. This Agreement is made in two (2) copies in English; each Party shall keep one (1) copy, this Agreement is an integral part of the Opening Trading Account Contract at PHS/ Điều khoản này có hiệu lực kể từ ngày ký. Điều khoản này được lập thành hai (2) bản bằng tiếng Việt, mỗi Bên giữ một (1) bản để thực hiện, Điều khoản này là một phần không tách rời với Điều khoản Mở Tài Khoản tại PHS.
- 12.3 If any amendment or addition in Agreement, it will be made in writing by the Parties / Điều khoản nếu được sửa đổi, bổ sung sẽ được lập thành văn bản bởi các Bên.
- 12.4 This Agreement shall terminate in the following cases / Điều khoản này chấm dứt trong các trường hợp sau:
- (i) Opening Trading Account Contract to terminate / Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán chấm dứt;
  - (ii) PHS will send The Customer a prior written by three (3) days on the suspension or termination of this Agreement without the consent of The Customer / PHS thông báo cho Khách hàng trước ba (3) ngày về việc ngừng hoặc chấm dứt Điều khoản mà không cần sự đồng ý của Khách hàng;
  - (iii) Two parties agree to terminate this Agreement / Các Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng;
  - (iv) Event of Force Majeure / Xảy ra sự kiện Bất Khả Khắc.
- 12.5 All notices related to Online Securities Trading Service, Services Fee, PHS will be expressed in PHS's website, and / or send email, fax, phone, message and/or other agreed methods to The Customer / Mọi thông báo liên quan đến Dịch Vụ Giao Dịch Trực Tuyến, Phí Dịch Vụ sẽ được PHS thông báo công khai tại website của PHS, và/hoặc gửi email, fax, điện thoại, nhắn tin hoặc bằng phương thức khác đã thỏa thuận cho Khách hàng.
- 12.6 The registration and using of the Online Securities Trading Service of The Customer does not dispense with the rights and obligations of The Customer is specified in the Opening Trading Account Contract, the related commitment which The Customer has signed and / or the conditions prescribed specific trading methods that has guided or public announced to The Customer by PHS/ Việc Khách hàng đăng ký và sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến không làm miễn trừ quyền và nghĩa vụ của Khách hàng được quy định tại Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán, các cam kết liên quan mà Khách hàng đã ký kết với PHS và/hoặc các điều kiện quy định về cách thức giao dịch cụ thể mà PHS đã hướng dẫn hoặc được thông báo công khai cho Khách hàng.
- 12.7 The registration of the Online Securities Trading Service does not dispense with the right of The Customer to trade securities through other methods which The Customer has registered at PHS / Việc đăng ký sử dụng Dịch vụ Giao dịch trực tuyến không loại trừ quyền của Khách hàng được thực hiện giao dịch chứng khoán qua hình thức sử dụng các dịch vụ khác mà Khách hàng đã đăng ký với PHS.